

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39/2020/HNGĐ-ST**
Ngày 28-12-2020
V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Na.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Trang;
2. Ông Trần Văn Tảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 515/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Văn T, sinh năm 1968;

Cư trú tại: Tổ 3, ấp H, xã Th, huyện B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969;

Cư trú tại: Tổ 1, ấp N, xã TT, huyện B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 11 năm 2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Ngô Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà L tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1989, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 1997 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau về tính tình. Nên vợ, chồng

sống ly thân từ ngày 20 tháng 10 năm 1997, nay ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị L;

- Về con chung: Ông và bà L có hai con chung là cháu Ngô Kim C, sinh năm 1990 và cháu Ngô Hoàn V, sinh năm 1993. Hiện nay cháu C, cháu V đã thành niên tự lao động nuôi sống được bản thân nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung;

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của đương sự ngày 24 tháng 11 năm 2020 và các lời khai tại Tòa án bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Bà đồng ý với lời trình bày của ông T quá trình chung sống vợ chồng không đăng ký kết hôn. Nay ông T yêu cầu ly hôn bà đồng ý;

- Về con chung: Bà thống nhất với lời trình bày của ông T về con chung, hiện nay cháu Ngô Kim C, cháu Ngô Hoàn V đã thành niên tự lao động nuôi sống được bản thân. Nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung;

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu giải quyết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Ngô Văn T, bị đơn bà Nguyễn Thị L vắng mặt;

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi vụ án thụ lý, quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị L;

Về con chung: Không đặt ra giải quyết;

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về án phí: Ông Ngô Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

+ Về kiến nghị khắc phục: Không.

+ Về kiến nghị khắc phục: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 04/12/2020 ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà L.

[2] Về hôn nhân: Ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị L chung sống như vợ chồng từ năm 1989 đến nay có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng không đăng ký kết hôn. Nên việc chung sống giữa ông T, bà L không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị L.

[3] Về con chung: Ông T, bà L có hai con chung là cháu Ngô Kim C, sinh năm 1990 và cháu Ngô Hoàn V, sinh năm 1993. Xét thấy hiện nay cháu C, cháu V đã thành niên, tự lao động nuôi sống được bản thân nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị L không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Ngô Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Ông Ngô Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0004704 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; ông Ngô Văn T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- PKTNV và THA TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn.(L).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Na